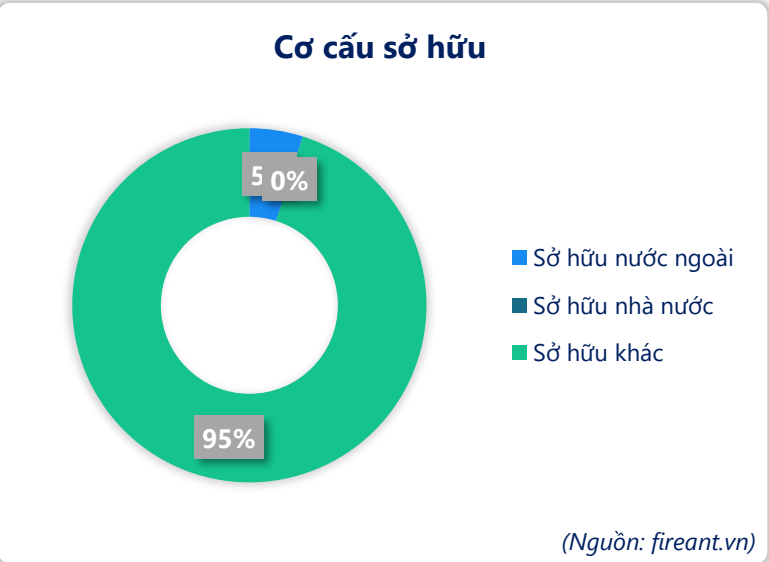
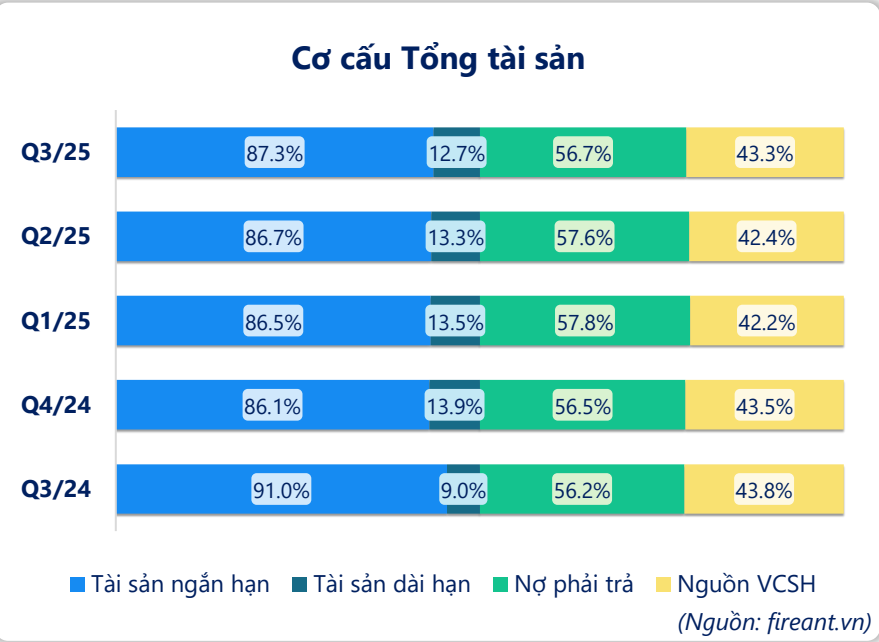
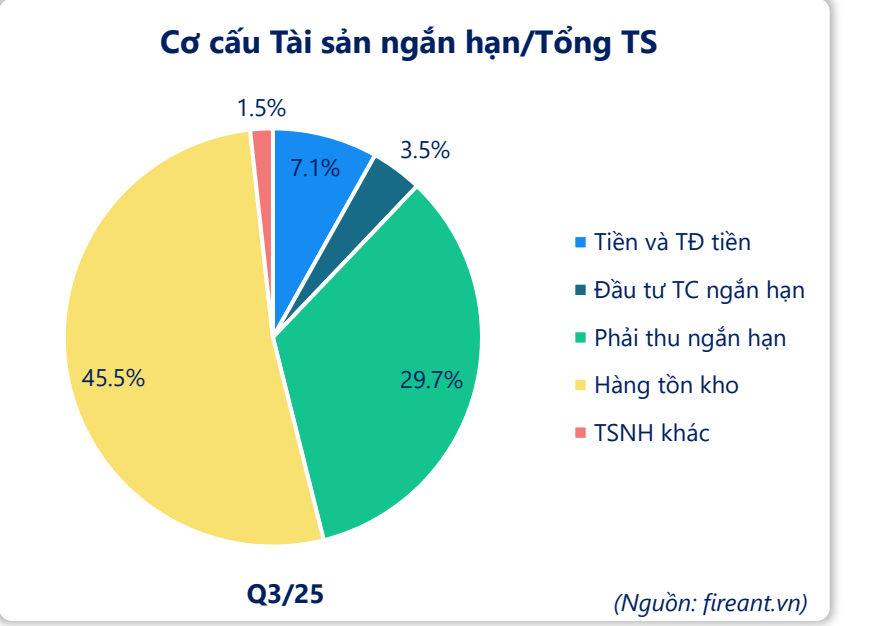
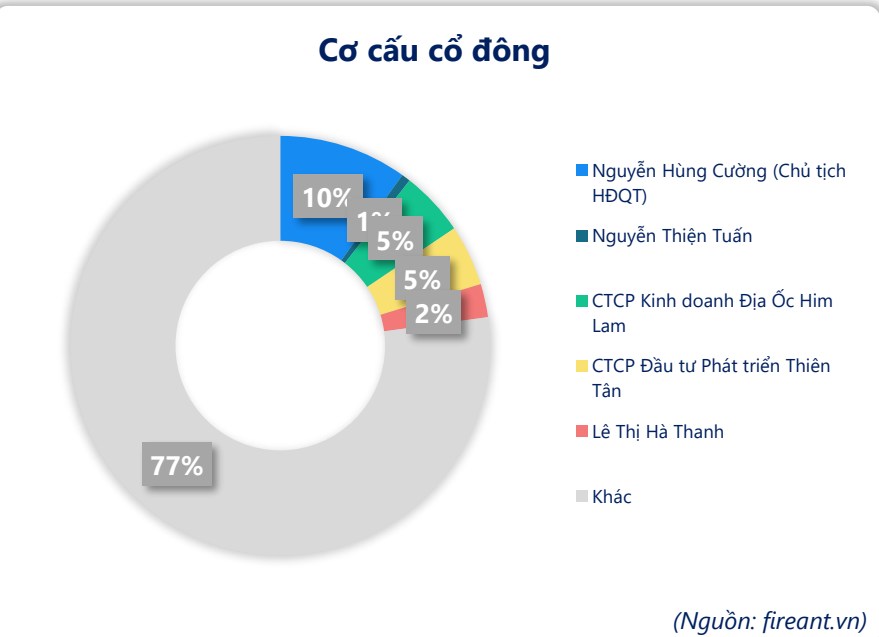
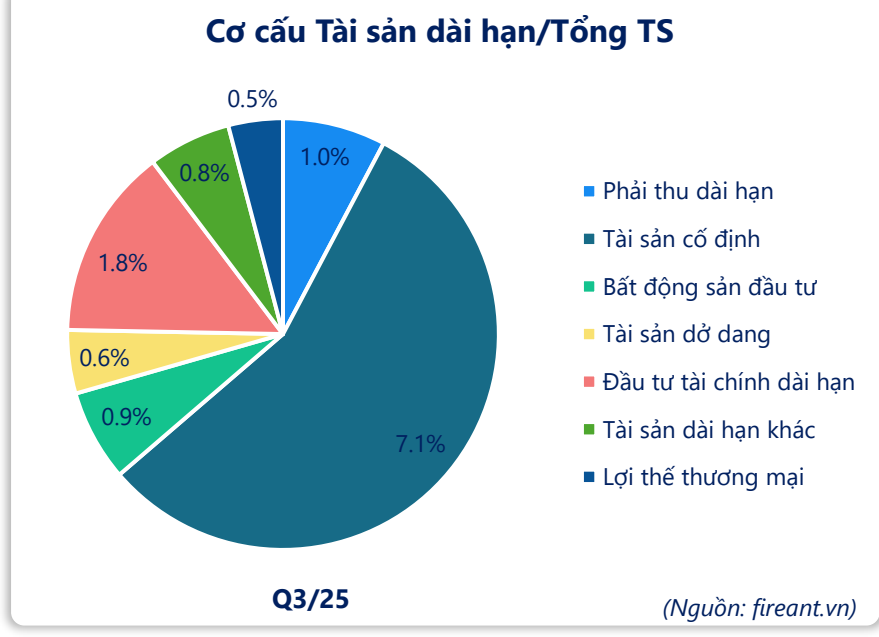
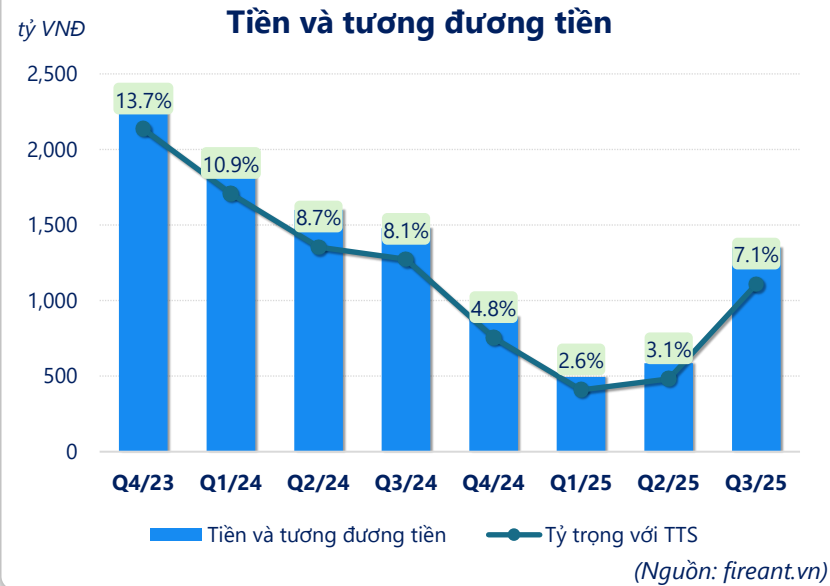
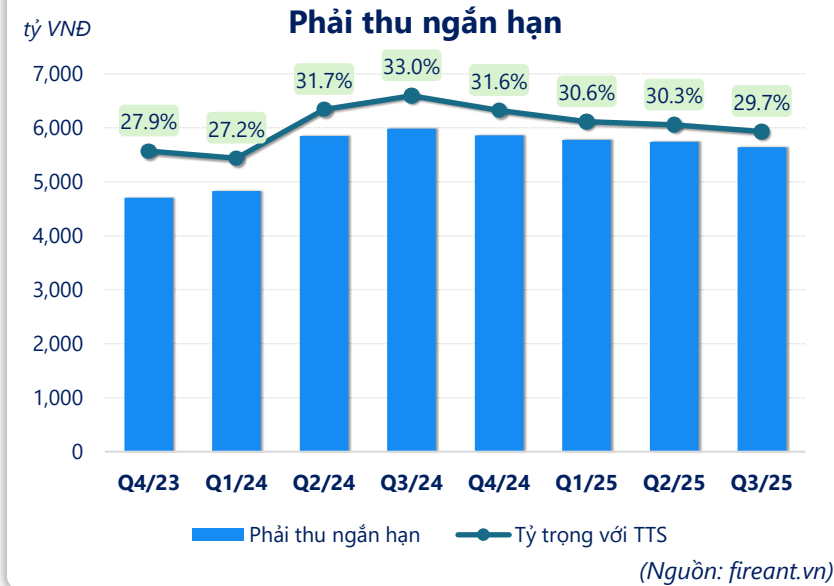
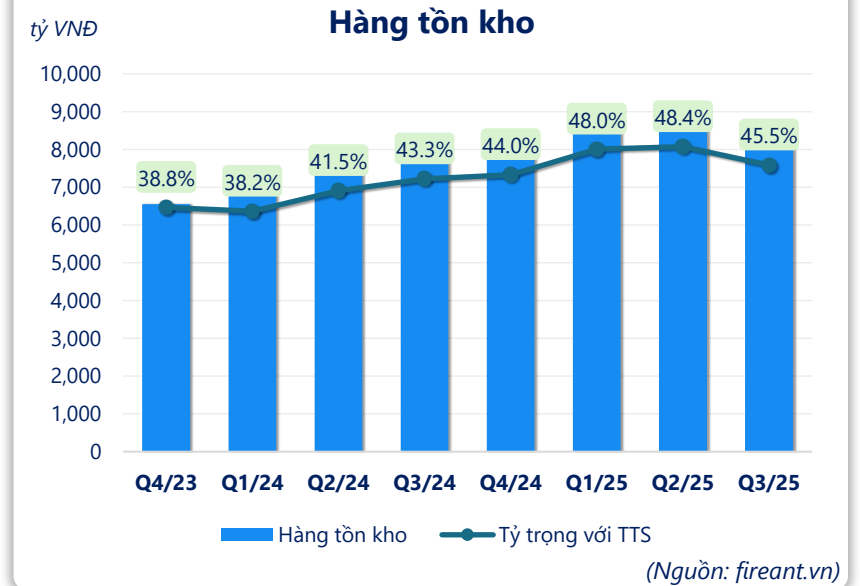
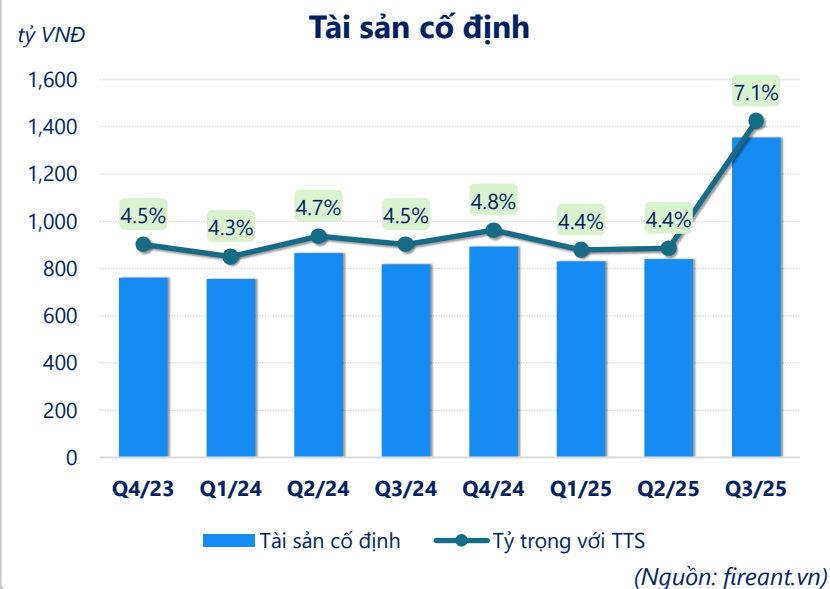
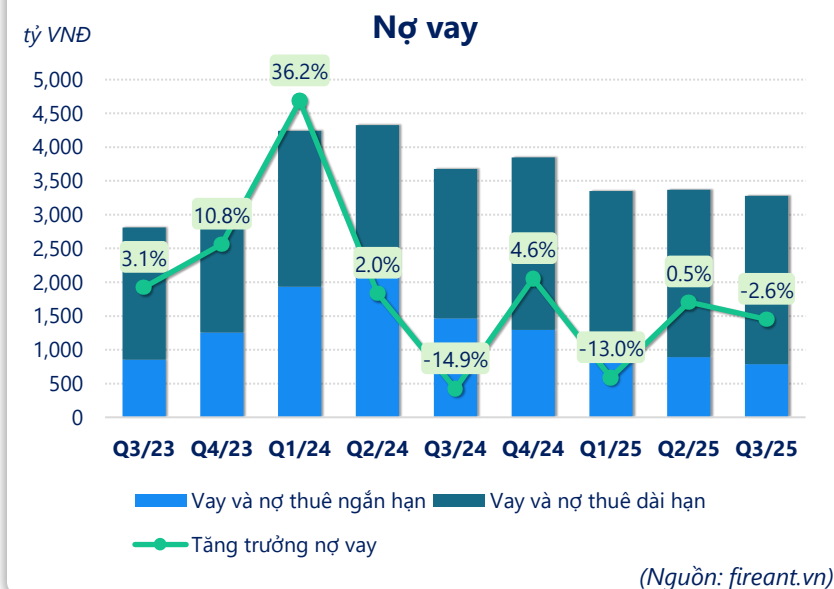
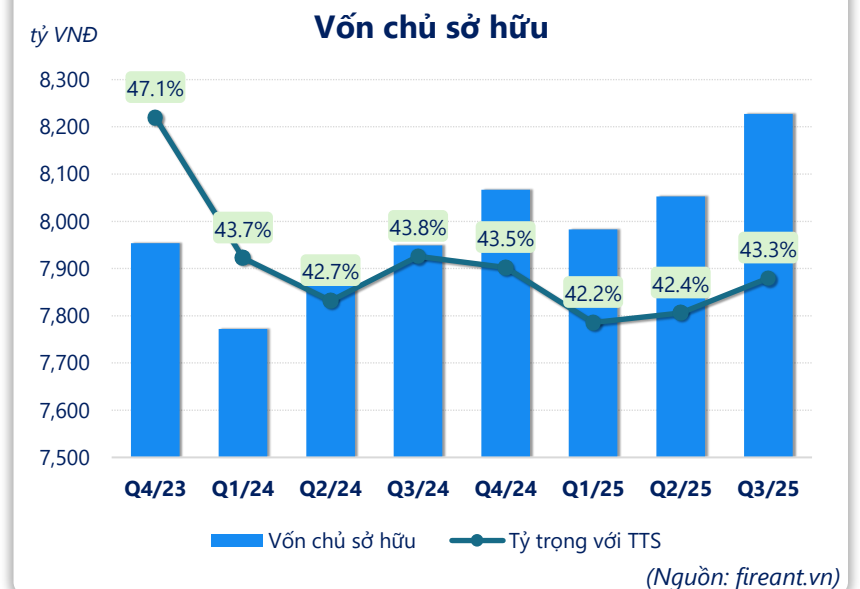
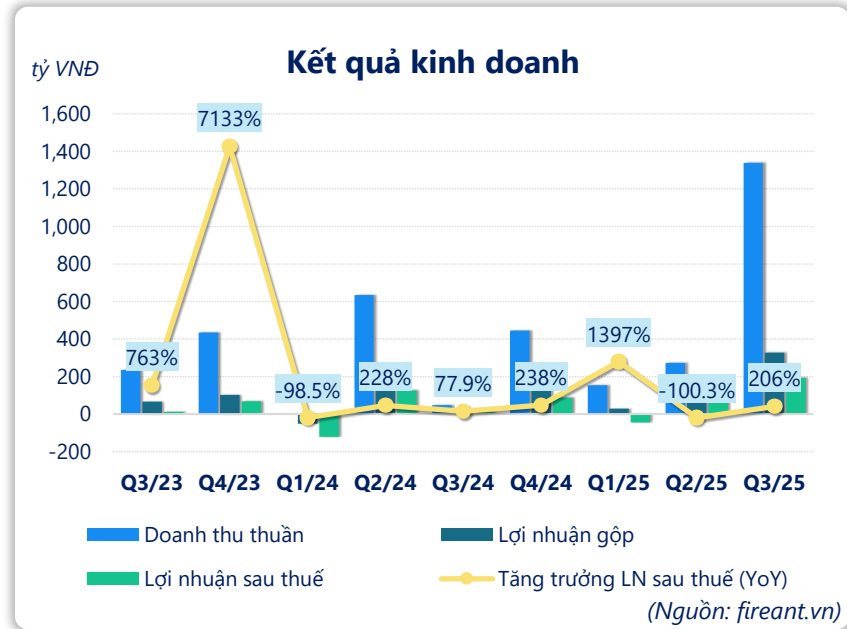
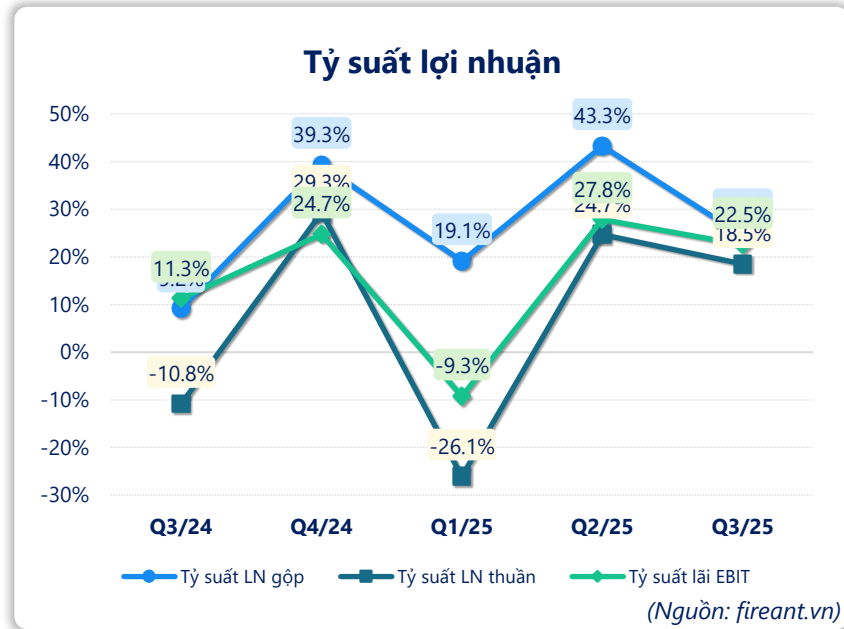
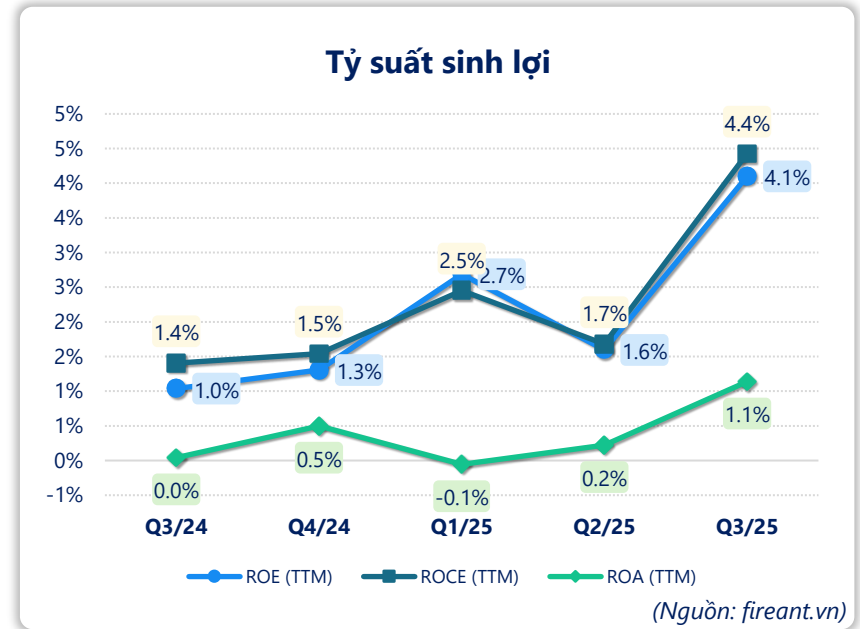
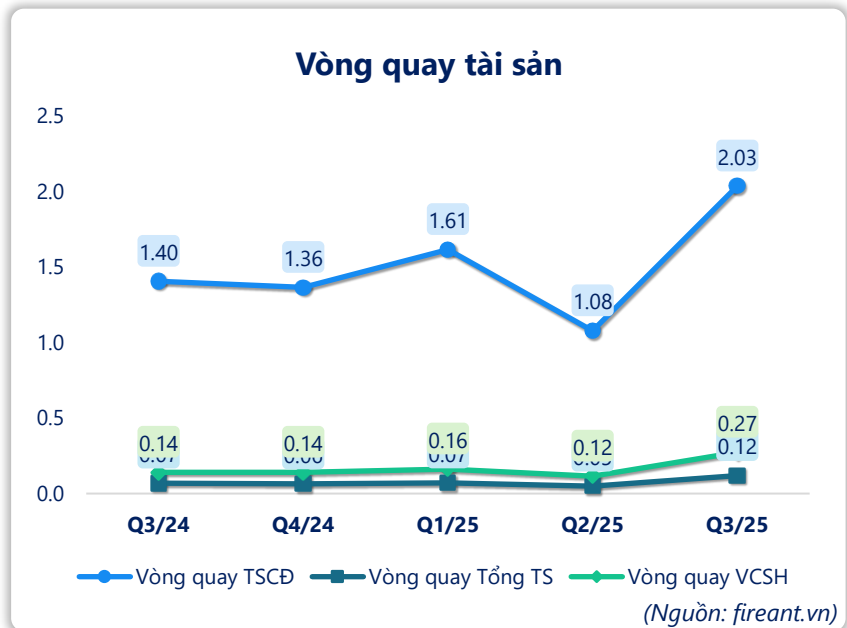
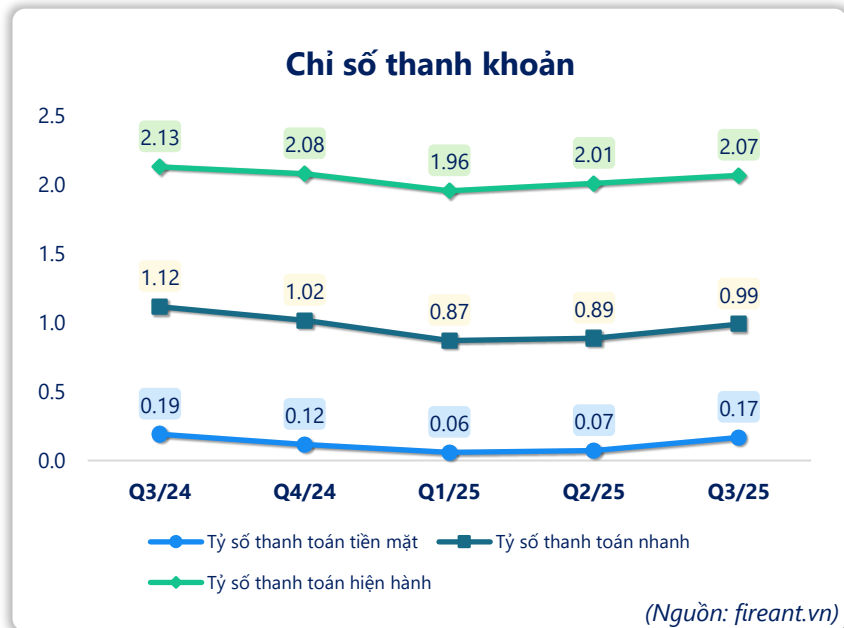
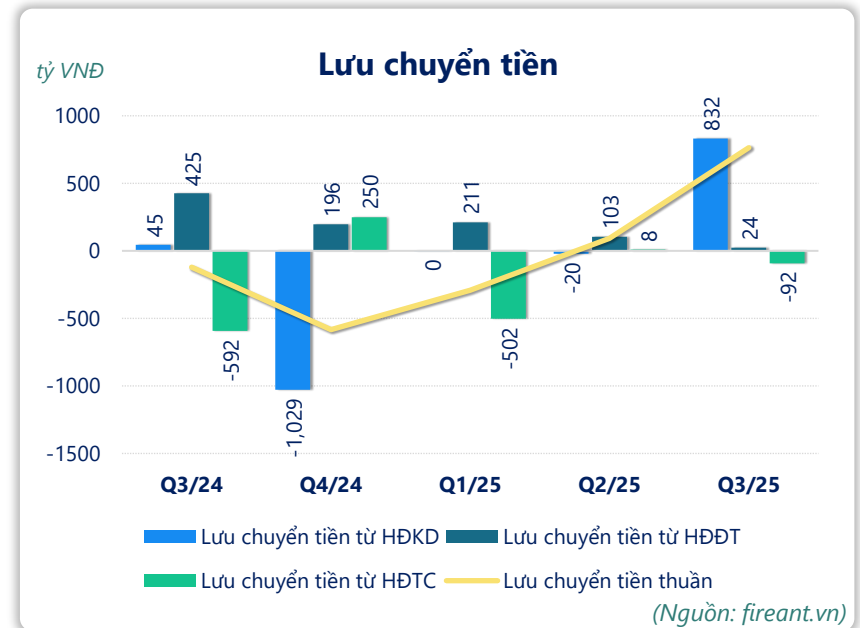


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,372
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,278
SL cổ phiếu LH		646,431,191
KLGD BQ 20 phiên (CP)		27,006,730
% sở hữu nước ngoài		4.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		15,062
P/E		45.4
EPS		513

	YTD	1T	3T	6T
DIG	39.6%	2.1%	44.0%	35.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	19,013	18,539	2.6%
Tài sản ngắn hạn	16,594	15,986	3.8%
Tiền và tương đương tiền	1,349	785	71.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	659	896	-26.4%
Phải thu ngắn hạn	5,640	5,944	-5.1%
Hàng tồn kho	8,655	8,155	6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	290	206	40.8%
Tài sản dài hạn	2,419	2,554	-5.3%
Phải thu dài hạn	187	950	-80.3%
Tài sản cố định	1,354	842	60.8%
Bất động sản đầu tư	166	159	4.5%
Tài sản dở dang	115	96.6	19.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	348	329	5.9%
Tài sản dài hạn khác	151	64.7	132%
Lợi thế thương mại	98.9	113	-12.3%
Nợ phải trả	10,786	10,498	2.7%
Nợ ngắn hạn	8,022	7,962	0.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	788	1,573	-49.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	522	511	2.2%
Nợ dài hạn	2,764	2,536	9.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,492	2,277	9.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,228	8,041	2.3%
Vốn chủ sở hữu	8,228	8,041	2.3%
Vốn điều lệ	6,464	6,099	6.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	47.3	446	153	272	1,339
Giá vốn hàng bán	42.9	270	124	154	1,013
Lợi nhuận gộp	4.34	175	29.2	118	327
Doanh thu HĐTC	24.2	65.4	32.1	2.14	2.89
Chi phí TC	11.5	49.3	23.6	0.51	50.0
Chi phí lãi vay	11.3	-12.7	22.8	0.60	44.1
LN trong công ty LKLD	12.1	-2.35	-24.5	13.8	23.1
Chi phí bán hàng	8.80	3.43	8.80	17.6	10.9
Chi phí QLDN	25.5	55.0	44.2	48.4	44.0
LN thuần từ HĐKD	-5.12	131	-39.8	67.3	248
Lợi nhuận khác	-0.82	-7.70	2.86	7.92	10.0
LN trước thuế	-5.95	123	-37.0	75.2	258
Lợi nhuận sau thuế	11.2	87.2	-45.4	73.5	193
LNST của CĐ cty mẹ	7.08	88.7	-10.1	41.5	211

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.0	-1,029	-0.28	-20.4	832
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	425	196	211	103	24.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-592	250	-502	8.42	-92.5
Tiền đầu kỳ	1,600	1,479	785	495	586
Lưu chuyển tiền thuần	-121	-583	-291	91.0	764
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,479	895	495	586	1,349

(Nguồn: fireant.vn)